

Số: *183* /TB - VWTC

Quảng Ninh, ngày *11* tháng 3 năm 2020

## THÔNG BÁO

### Về việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Kính gửi: Quý vị cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN đã được các cổ đông thông qua ngày 16/4/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 14/02/2020 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt thời gian và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN thông báo tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 như sau:

**I. Thời gian:** 9h30 ngày 31/3/2020 (thứ ba).

**II. Địa điểm:** Văn phòng Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN số 108 đường Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

**III. Nội dung:**

1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020.

2. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và thẩm định báo cáo tài chính năm 2019.

3. Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán.

5. Thông qua phân phối lợi nhuận năm 2019.

6. Thông qua Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

7. Thông qua thanh toán thù lao năm 2019 cho các thành viên HĐQT, BKS và phương án trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2020.

8. Một số nội dung khác.

**IV. Thành phần tham dự:**

- Cổ đông Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận.

- Các cổ đông cá nhân Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN.

- Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN.

- Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN.

#### **V. Đăng ký tham gia Đại hội:**

Quý cổ đông sau khi nhận được thông báo này, đề nghị gửi giấy xác nhận tham dự Đại hội hoặc giấy ủy quyền tham dự Đại hội về Công ty trước 16h30 ngày 30/3/2020 theo địa chỉ:

- Văn phòng Công ty: Số 108 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Số điện thoại: 0203.3518 069 Fax: 0203.3518 059 (hoặc liên hệ anh Nguyễn Hoàng Quân – Người phụ trách quản trị Công ty, ĐT: 0913.218.829).

#### **VI. Tài liệu gửi kèm theo thông báo gồm:**

- Chương trình Đại hội đồng cổ đông;
- Giấy đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- Giấy ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

**Lưu ý:** Ngoài các tài liệu trên, Quý cổ đông có thể tham khảo tài liệu trên địa chỉ Website của Công ty: [www.vantaithuytkv.vn](http://www.vantaithuytkv.vn).

Quý cổ đông có quyền kiến nghị các vấn đề bằng văn bản và gửi về Công ty trước 16h30 ngày 30/3/2020.

Trước giờ diễn ra Đại hội 30 phút, Quý cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền đến dự Đại hội phải xuất trình cho Ban tổ chức những giấy tờ sau:

- + Giấy CMND hoặc hộ chiếu;
- + Giấy ủy quyền dự họp bản gốc.

Hội đồng quản trị Công ty trân trọng thông báo./.

#### **Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Các Ủy viên HĐQT, BKS Công ty;
- Ủy Ban CKNN, Sở giao dịch CKHN;
- Lưu HĐQT Cty, Vthư.



**Vũ Văn Tâm**



Số: 202 /BC – HĐQT

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 3 năm 2020

## BÁO CÁO

### Về hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN (sửa đổi) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/4/2019;

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo trước Đại hội về hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2019 và đề ra phương hướng nhiệm vụ của HĐQT Công ty năm 2020 như sau:

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị công ty và tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong năm 2019:

Ngay từ đầu năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã phân công các thành viên trong Hội đồng và tập trung sự lãnh đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt trên các lĩnh vực quản lý, điều hành sản xuất đã tạo ra sự ổn định đồng bộ trong sản xuất kinh doanh, phù hợp với tình hình thực tiễn, đẩy mạnh công tác nâng cao chất lượng vận chuyển, kiểm soát chi phí trong sản xuất.

Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn trong năm 2019 như:

Đội tàu TKV không phù hợp với nhu cầu của khách hàng mua than, không phù hợp yêu cầu của một số cảng tiếp nhận than; Giá cước vận chuyển hàng ngoài than thấp, không có hiệu quả; Giá nhiên liệu bình quân năm 2019 tăng cao so với năm 2018.

Hội đồng quản trị Công ty duy trì các cuộc họp thường kỳ đảm bảo chương trình, số lượng thành viên dự họp và biểu quyết theo Luật định. Tổ chức thực hiện tốt công tác giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác. Năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện được 29 cuộc họp, ban hành 31 Nghị quyết và một số các văn bản khác để thông qua các nội dung chủ yếu như:

- Phê duyệt Kết quả sản xuất kinh doanh 2018.
- Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019;
- Phê duyệt báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2018.
- Phê duyệt đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2019.
- Phê duyệt phương án vay vốn các ngân hàng.
- Phê duyệt Kế hoạch chi các khoản có tính chất phúc lợi 2019.
- Phê duyệt đơn giá tiền lương, quỹ tiền lương của Công ty.
- Phê duyệt hệ thống thang lương, bảng lương.



- Phê duyệt bán 2 doand Sà lan TKV 01; TKV 03 và xe ô tô.
- Phê duyệt Nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.
- Thông qua thanh toán thù lao HĐQT, BKS năm 2018 và phương án trả thù lao 2019.
- Thông qua Kế hoạch SXKD 2019 của Công ty.
- Thông qua phương án sắp xếp lại tổ chức các Kho, Trạm, chế biến than Công ty.
- Thông qua bổ nhiệm Cán bộ Công ty.
- Thông qua Kế hoạch sửa chữa lớn các tàu biển Công ty.
- Thông qua các Hợp đồng vay vốn giữa các Công ty Vận tải thủy, Việt Thuận, Phương Trang.
- Phê duyệt Quy chế Vật tư; Chi tiêu nội bộ, Tài chính.....

Tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông thường niên công ty đã phê chuẩn bầu bổ sung 2 thành viên. Hiện nay Hội đồng quản trị công ty gồm có 5 thành viên. Các thành viên Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành Công ty đã thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của HĐQT, tuân thủ pháp luật và Điều lệ Công ty khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mình. Các thành viên Hội đồng quản trị đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

## 2. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

\* Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính SXKD 2019:

| TT         | Chỉ tiêu                     | Đơn vị tính        | Kế hoạch năm 2019 (điều chỉnh) | Thực hiện năm 2019 | So sánh (%)   |
|------------|------------------------------|--------------------|--------------------------------|--------------------|---------------|
| <b>I</b>   | <b>Tổng Sản lượng</b>        | <b>Tấn</b>         | <b>7.850.000</b>               | <b>7.586.911</b>   | <b>96,65</b>  |
|            | 1. Sản lượng vận chuyển      | Tấn                | 5.300.000                      | 4.871.197          | 133,92        |
|            | - Vận tải biển, sà lan       | Tấn                | 1.055.700                      | 1.053.716          | 99,81         |
|            | - Thuê tàu vận tải than      | Tấn                | 4.244.300                      | 3.817.481          | 89,94         |
|            | 2. Sản lượng kinh doanh than | Tấn                | 2.550.000                      | 2.715.714          | 106,50        |
|            | - Than chế biến              | Tấn                | 2.450.000                      | 2.548.884          | 104,04        |
|            | - Than tự doanh              | Tấn                | 100.000                        | 166.831            | 166,83        |
| <b>II</b>  | <b>Tổng Doanh thu</b>        | <b>Tr.đồng</b>     | <b>4.465.000</b>               | <b>4.988.021</b>   | <b>111,71</b> |
| <b>III</b> | <b>Giá trị sản xuất</b>      | <b>Tr.đồng</b>     | <b>361.000</b>                 | <b>382.652</b>     | <b>106,00</b> |
| <b>IV</b>  | <b>Lợi nhuận trước thuế</b>  | <b>Tr.đồng</b>     | <b>104.000</b>                 | <b>119.045</b>     | <b>114,47</b> |
| <b>V</b>   | <b>Lao động bình quân</b>    | <b>Người</b>       | <b>246</b>                     | <b>241</b>         | <b>97,97</b>  |
| <b>VI</b>  | <b>Tiền lương bình quân</b>  | <b>1000đ/ng/th</b> | <b>11.500</b>                  | <b>12.977</b>      | <b>112,85</b> |

Năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty tìm nhiều giải pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí, vật tư, nhiên liệu, tăng cường công tác thị trường. Do vậy năm 2019, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra, đặc biệt về doanh thu và lợi nhuận. Năm 2019 Công ty đã đạt lợi nhuận trước thuế **119.045** triệu đồng.

Hội đồng quản trị Công ty tiến hành họp kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên và đánh giá: Các thành viên Hội đồng quản trị đã có nhiều cố gắng, có tinh thần trách nhiệm, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của các cổ đông, đồng thời tuyệt đối trung thành không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

**4. Phương hướng, nhiệm vụ hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2020:**

\* Những chỉ tiêu chính trong kế hoạch SXKD năm 2020:

| <b>TT</b>  | <b>Chỉ tiêu</b>                  | <b>Đơn vị tính</b>  | <b>Kế hoạch năm 2019</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|----------------------------------|---------------------|--------------------------|----------------|
| <b>I</b>   | <b>Sản lượng</b>                 | <b>Tấn</b>          | <b>8.000.000</b>         |                |
| <b>1</b>   | Sản lượng vận chuyển             | Tấn                 | <b>4.800.000</b>         |                |
| -          | <i>Vận tài biển</i>              | <i>Tấn</i>          | <i>1.520.000</i>         |                |
| -          | <i>Thuê tàu vận tài than</i>     | <i>Tấn</i>          | <i>3.280.000</i>         |                |
| <b>2</b>   | Sản lượng than kinh doanh        | Tấn                 | <b>3.200.000</b>         |                |
| -          | <i>Than cám 6a.1</i>             | <i>Tấn</i>          | <i>2.350.000</i>         |                |
| -          | <i>Than cám 5a.1</i>             | <i>Tấn</i>          | <i>650.000</i>           |                |
| -          | <i>Than tự doanh</i>             | <i>Tấn</i>          | <i>200.000</i>           |                |
| <b>II</b>  | <b>Doanh thu tổng số</b>         | <b>Tr.đồng</b>      | <b>5.760.000</b>         |                |
| -          | <i>Doanh thu vận tải</i>         | <i>Tr.đồng</i>      | <i>710.000</i>           |                |
| -          | <i>Doanh thu kinh doanh than</i> | <i>Tr.đồng</i>      | <i>5.050.000</i>         |                |
| <b>III</b> | <b>Giá trị sản xuất</b>          | <b>Tr.đồng</b>      | <b>456.000</b>           |                |
| <b>IV</b>  | <b>Lợi nhuận trước thuế</b>      | <b>Tr.đồng</b>      | <b>110.000</b>           |                |
| -          | <i>Lợi nhuận vận tải</i>         | <i>Tr.đồng</i>      | <i>40.000</i>            |                |
| -          | <i>Lợi nhuận kinh doanh than</i> | <i>Tr.đồng</i>      | <i>70.000</i>            |                |
| <b>V</b>   | <b>Tiền lương bình quân</b>      | <b>1000 đ/ng/th</b> | <b>13.00.000</b>         |                |





Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị Công ty đã họp bàn thống nhất phương hướng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Công ty năm 2020 như sau:

- Tiếp tục rà soát và sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý để phù hợp với tình hình thực tế theo đúng quy định của pháp luật.

- Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất:

+ Chỉ đạo triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

+ Chỉ đạo điều hành khai thác tốt đội tàu biển của Công ty để hạn chế thấp nhất thời gian chờ đợi tại các bến cảng, khai thác tốt hàng hoá vận chuyển cho các phương tiện vận tải của Công ty đặc biệt khai thác nguồn hàng chiều về.

+ Chỉ đạo thực hiện các định mức tiêu hao nhiên liệu, vật tư, chi phí sửa chữa để tiết giảm chi phí, giảm giá thành.

+ Chỉ đạo công tác mua than về pha trộn, chế biến theo đúng quy định để bán cho TKV.

+ Hàng quý, Hội đồng quản trị Công ty tổ chức họp đánh giá kiểm tra tình hình thực hiện các nghị quyết đã đề ra đồng thời có những giải pháp chỉ đạo kịp thời làm cơ sở để Giám đốc điều hành thực hiện.

Trên đây là toàn bộ những nội dung hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty trong năm 2019, phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020. Hội đồng quản trị Công ty trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông của Cty;
- HĐQT, BKS Công ty;
- Lưu thư ký HĐQT, Văn thư.



**Vũ Văn Tâm**

2

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY-VINACOMIN**  
V/v **Đánh giá hoạt động quản lý điều hành của HĐQT và Ban GD Công ty**  
**Thẩm định Báo cáo Tài chính Công ty năm 2019**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 18/01/2019.

Căn cứ Báo cáo hoạt động của HĐQT, Báo cáo kết quả SXKD của Ban GD.

Căn cứ Báo cáo tài chính Công ty năm 2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán BDO -Việt Nam thực hiện.

**Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát Công ty báo cáo, trình Đại hội kết quả giám sát của Ban Kiểm soát năm 2019 cụ thể như sau:**

**Phần 1**

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT.**

**1. Nhân sự của Ban kiểm soát.**

Ngày 18/04/2019, Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2019 đã bầu ra Ban kiểm soát mới gồm 3 thành viên, gồm: Bà Phạm Thị Thu Hà - Trưởng Ban chuyên trách; Bà Lê Thị Thu Thủy - Thành viên (Kiêm nhiệm); Ông: Nguyễn Trọng Đại - Thành viên (Kiêm nhiệm)

**2. Nguyên tắc làm việc của Ban kiểm soát.**

Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát đã họp và thống nhất phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban theo Biên bản phân công nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Định kỳ hàng quý và năm Ban kiểm soát sẽ tiến hành kiểm soát các lĩnh vực hoạt động của Công ty theo nội dung đã phân công.

Các thành viên Ban Kiểm soát tự chịu trách nhiệm trước các lĩnh vực được giao. Chủ động kiểm soát các lĩnh vực được phân công hoặc phối kết hợp với các



thành viên trong ban kiểm soát và hệ thống kiểm soát Công ty mẹ (Việt Thuận) để thực thi nhiệm vụ.

Các thành viên Ban kiểm soát chủ động trong các lĩnh vực được phân công nhưng thường xuyên trao đổi công việc trực tiếp hoặc bằng điện thoại, e mail.

Trong quá trình kiểm tra, giám sát, các thành viên Ban kiểm soát không được làm ảnh hưởng đến công việc SXKD bình thường của Công ty.

Chủ động kiến nghị với HĐQT và Ban GD Công ty những vi phạm phát hiện trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; chịu trách nhiệm về số liệu, tài liệu báo cáo.

Mỗi quý Ban kiểm soát họp 1 lần (*trừ trường hợp đột xuất*) để rút kinh nghiệm trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

### **3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát Công ty:**

***Năm 2019, Ban Kiểm soát thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình theo đúng Quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban.***

#### **Cụ thể:**

- Giám sát hoạt động quản lý điều hành của HĐQT thông qua việc thực hiện các văn bản quản lý của Nhà nước, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Giám sát hoạt động của Ban GD điều hành và các cán bộ quản lý khác trong Công ty thông qua việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, việc triển khai thực hiện Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và các văn bản quản lý khác của Nhà nước.

- Kiểm soát việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quản lý nội bộ đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Giám sát việc thực thi pháp luật và công bố thông tin của Công ty theo quy định.

- Thẩm định Báo cáo Tài chính, Báo cáo công tác quản lý điều hành của HĐQT và Ban GD Công ty, trình Đại hội đồng cổ đông Công ty và các cơ quan quản lý Nhà nước.

- Giám sát Ban GD Công ty trong việc thực thi những kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và kiểm soát nội bộ của Công ty mẹ Việt Thuận.

- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, xem xét thư quản lý của Kiểm toán độc lập và ý kiến phản hồi của Ban GD Công ty.

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Ban GD và các cuộc họp khác của Công ty (*khi được mời*) với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác.

- Thường xuyên giữ mối liên hệ giữa các thành viên trong Ban kiểm soát, giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban GD Công ty và các Cổ đông.

- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của HĐQT và Ban GD Công ty.



## Phần 2

### KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

#### 1. Về hoạt động quản lý điều hành của HĐQT Công ty.

Năm 2019 HĐQT Công ty đã thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình được quy định tại Luật DN, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.

Thực hiện chức năng quản lý Công ty thông qua việc ban hành Nghị quyết, Quyết định, Quy chế, Quy định và giám sát việc thực hiện.

Chỉ đạo Ban GD điều hành và các bộ phận quản lý khác trong Công ty thực hiện nghiêm túc các văn bản quản lý của Nhà Nước.

Năm 2019 HĐQT tổ chức 29 cuộc họp thường kỳ và đột xuất ban hành 31 Nghị quyết, và nhiều quyết định, văn bản quản lý liên quan đến nhiều lĩnh vực Quản lý điều hành SXKD của Công ty.

Việc sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các văn bản quản lý đã giúp cho công tác quản trị điều hành của Công ty trong năm được linh hoạt hơn, hiệu quả hơn. Các văn bản quản lý HĐQT ban hành đúng thẩm quyền, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế SXKD của Công ty.

HĐQT Công ty đã chỉ đạo Ban GD và các bộ phận quản lý khác trong Công ty xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh, Đầu tư, Tài chính, Tổ chức cán bộ và quản lý nội bộ... thuộc thẩm quyền đồng thời giám sát quá trình triển khai thực hiện.

#### 2. Về công tác tổ chức thực hiện của Ban Giám đốc Công ty:

Năm 2019 Ban GD Công ty đã trực tiếp điều hành hoạt động SXKD theo chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Luật DN và Điều lệ Công ty.

Tổ chức triển khai Chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Kế hoạch SXKD được ĐHCĐ phê duyệt.

Kịp thời đề xuất với HĐQT những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý Công ty. Chủ động xây dựng và ban hành các văn bản quản lý khác trong Công ty thuộc thẩm quyền. Chủ động điều hành hoạt động SXKD theo quy định của Luật DN, Điều lệ Công ty và Quyết định của HĐQT.

Công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng... được thực hiện theo Quy chế, qui định Công ty và văn bản pháp luật của Nhà Nước .

Thực hiện Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật DN, Điều lệ Công ty và các văn bản quản lý khác của Đại hội đồng cổ đông.

#### **Ban kiểm soát Công ty thống nhất đánh giá:**

Năm 2019 hoạt động SXKD của Công ty đã có nhiều chuyển biến tích cực, Doanh thu, lợi nhuận đều tăng rất cao so với các năm trước. Công ty đã xóa được số lỗ lũy kế từ nhiều năm trước để lại (Tại thời điểm 31/12/2018 khoản lỗ lũy kế của



Công ty là âm (-)98.384 triệu đồng, đến 31/12/2019 dương (+)1.050 triệu đồng). Việc xóa lỗ lũy kế có ý nghĩa rất lớn trong việc cải thiện các chỉ số tài chính, làm tiền đề cho Công ty vay vốn để mở rộng sản xuất, hướng tới mục tiêu chia cổ tức cho cổ đông trong năm 2020.

Để đạt được kết quả trên, HĐQT và Ban GD điều hành Công ty đã đưa ra nhiều giải pháp, tích cực chỉ đạo điều hành Công ty thực hiện kế hoạch SXKD và Nghị quyết ĐHCĐ Công ty đề ra, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đạt được Cụ thể như sau:

- Sản lượng vận chuyển: 4.871.197 tấn; đạt 92% KH năm và bằng 87% cùng kỳ.
- Sản lượng than bán : 2.715.714 Tấn; đạt 106,5% kế hoạch năm.
- Doanh thu 4.978.280 triệu đồng. Trong đó: Doanh thu vận tải: 700.418 tr.đ, Doanh thu than: 4.268.131 tr.đ; Bằng 112% kế hoạch năm; 782,5% cùng kỳ.
- Lợi nhuận trước thuế: 119.045 tr.đồng, bằng 115% kế hoạch năm; 586% cùng kỳ.
- Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2019: 1.050 Tr.đồng.

#### **Ban kiểm soát kiến nghị:**

Từ năm 2019, Công ty chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu (Từ cổ phần có vốn nhà nước chi phối sang cổ phần 100% vốn tư nhân), vì vậy Ban Kiểm Soát Công ty đề nghị:

HĐQT và Ban GD điều hành tiếp tục chỉ đạo rà soát sửa đổi bổ sung các qui chế qui định để đảm bảo phù hợp với Điều lệ mới của Công ty và theo các văn bản pháp luật hiện hành về Công ty CP ngoài Nhà nước đảm bảo chặt chẽ, đúng Pháp Luật nhưng đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Tập trung hoàn thiện hệ thống định mức cả hai lĩnh vực chế biến than và khai thác đội tàu biển của Công ty để làm cơ sở khoán và quản trị chi phí.

Chỉ đạo điều hành công tác chế biến kinh doanh than đảm bảo quản lý chặt chẽ tài nguyên, giảm chỉ tiêu hao hụt than trong các khâu vận chuyển, chế biến đảo trộn nhằm giảm giá thành than chế biến, tăng lợi nhuận của Công ty. Khai thác tốt đội tàu biển của Công ty để hạn chế thấp nhất thời gian chờ đợi tại các bến cảng, khai thác tốt hàng hoá vận chuyển cho các phương tiện vận tải của Công ty đặc biệt khai thác nguồn hàng chiều về.

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc phải thường xuyên tổ chức đánh giá, kiểm tra tình hình thực hiện các nghị quyết đã đề ra đồng thời có những giải pháp chỉ đạo kịp thời làm cơ sở để Giám đốc điều hành thực hiện.

### **Phần 3**

#### **THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY NĂM 2019**

- Ban kiểm soát Công ty thống nhất xác nhận số liệu, tài liệu và nội dung báo cáo của HĐQT và Ban GD Công ty đã báo cáo. Báo cáo Tài chính năm 2019 của



Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO - Việt Nam thực hiện.

- Ban kiểm soát Công ty xét thấy phương pháp thực hiện Kiểm toán, các chuẩn mực Kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán BDO - Việt Nam cũng như các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Tài chính Công ty áp dụng trong Báo cáo Tài chính năm 2019 của Công ty đã đảm bảo đúng nguyên tắc, đúng chế độ quy định;

- Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán phản ánh minh bạch, trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào thời điểm 31/12/2019, cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày;

- Công tác hạch toán đảm bảo không có sai sót trọng yếu, lập và gửi báo cáo tài chính đúng mẫu biểu đúng quy định. Bộ máy kế toán được thực hiện tập trung, đảm bảo phù hợp với mô hình sản xuất và tổ chức quản lý của Công ty;

- Thực hiện chế độ sổ sách, chứng từ kế toán theo Thông tư 200/2014/BTC. Phản ánh và hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

- Thực hiện tốt các quy định về quản lý tài chính, các khoản doanh thu, chi phí được hạch toán đầy đủ đúng chế độ.

- Thực hiện công tác kiểm kê tài sản, tiền mặt tồn quỹ, hàng hóa, vật tư, thành phẩm tồn kho, công nợ phải thu, phải trả.... theo qui định của Nhà nước. Năm 2019 không có trường hợp nợ xấu mất khả năng thanh toán;

- Chủ động cân đối các nguồn tài chính phục vụ SXKD, thực hiện tốt nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo qui định.

**Tóm lại:** Ban kiểm soát Công ty nhất trí với các số liệu cũng như nhận xét của kiểm toán viên đưa ra trong Báo cáo kiểm toán cũng như Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, Báo cáo tài chính của Công ty do đồng chí Giám đốc báo cáo thông qua đại hội. Ban kiểm soát Công ty thống nhất đánh giá chất lượng báo cáo tài chính cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 Công ty đã báo cáo, đã được kiểm toán BDO thực hiện là khách quan và trung thực.

**Ban kiểm soát Công ty Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.**

**Kính thưa Đại hội:**

Năm 2019 các thành viên Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty, cổ đông Công ty.

Trung thành với lợi ích của Công ty và Cổ đông Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lợi dụng địa vị, chức vụ và quyền hạn để sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn của Công ty để trục lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Các thành viên Ban kiểm soát đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

Tuy nhiên trong năm 2019, do nhiều nguyên nhân, cả chủ quan và khách quan nên việc đánh giá, nhận xét kết quả hoạt động của BKS năm 2019 không tránh khỏi những tồn tại mà Ban kiểm soát chưa nêu ra được trong báo cáo này, chưa đạt được kỳ vọng của các cổ đông

Năm 2019, Ban Kiểm soát Công ty không nhận được bất kỳ kiến nghị, đơn thư khiếu nại, tố cáo nào từ các cổ đông và người lao động về tình hình hoạt động quản lý điều hành của HĐQT, Ban GD và Các cán bộ quản lý khác trong Công ty

Để Ban kiểm soát hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ của mình ngoài sự cố gắng tích cực của mỗi thành viên Ban kiểm soát, còn có sự ủng hộ, hỗ trợ, động viên của Ban lãnh đạo Công ty, sự cộng tác của các cổ đông và các phòng ban quản lý Công ty.

Ban kiểm soát Công ty xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng của các Cổ đông, sự phối hợp của các HĐQT, Ban giám đốc, các phòng ban trong Công ty và hy vọng rằng năm 2020 Ban kiểm soát Công ty sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ và hợp tác của các quý vị để Ban kiểm soát hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ của mình.

**Nhân dịp Đại hội hôm nay, thay mặt cho các thành viên Ban kiểm soát Công ty một lần nữa tôi xin chân thành cảm ơn toàn thể các quý vị, chúc các quý vị mạnh khỏe. Chúc đại hội thành công. Xin cảm ơn !**

**Nơi nhận:**

- HĐQT, BKS; Các cổ đông Công ty;
- Phòng CNTH (Đăng trên Website);
- Lưu: VT, BKS.





Số: 203 /TTr – VWTC

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 3 năm 2020

## TỜ TRÌNH

Thực hiện Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019  
và Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020 của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2020

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/4/2019.

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 về Kết quả sản xuất kinh doanh 2019, Kế hoạch sản xuất 2020 của Công ty như sau:

### I. Kết quả thực hiện SXKD năm 2019:

#### 1. Những khó khăn, thuận lợi:

##### \* Thuận lợi:

- Công ty tiếp tục được Tập đoàn quan tâm, tạo điều kiện.
- Sự hợp tác và tạo điều kiện của các đơn vị trong TKV và ngoài ngành.
- Tập thể cán bộ công nhân viên đoàn kết, đồng lòng chia sẻ khó khăn, gắn bó với Công ty cùng nhau phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao.

##### \* Khó khăn:

- Đội tàu TKV không phù hợp với nhu cầu của khách hàng mua than, không phù hợp yêu cầu của một số cảng tiếp nhận than.
- Giá cước vận chuyển hàng ngoài than thấp, không có hiệu quả.
- Giá nhiên liệu bình quân năm 2019 tăng cao so với năm 2018 và tăng cao so với Kế hoạch đầu năm.

#### 2. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2019:

a. Tổng sản lượng: **7.586.911 tấn.**

\* Sản lượng vận chuyển: **4.871.197 tấn**

- Vận tải biển: **1.052.105 tấn.**

- Thuê ngoài v/c: **3.817.481 tấn.**

\* Sản lượng kinh doanh than: **2.715.714 tấn**

- Than cám 6a1: **1.977.557 tấn**

- Than cám 6a1: **571.327 tấn**

- Than tự doanh: **166.830 tấn.**

b. Tổng Doanh thu: **4.988.021 triệu đồng**

- Doanh thu vận tải: **705.999 triệu đồng.**

- Doanh thu kinh doanh than: **4.282.022 triệu đồng**

|                                 |                                  |
|---------------------------------|----------------------------------|
| <b>c. Giá trị sản xuất:</b>     | <b>382.652 triệu đồng</b>        |
| - GTSX vận tải:                 | 194.710 triệu đồng.              |
| - GTSX kinh doanh than:         | 283.615 triệu đồng               |
| <b>d. Lợi nhuận trước thuế:</b> | <b>119.045 triệu đồng</b>        |
| - Lợi nhuận vận tải:            | 45.924 triệu đồng.               |
| - Lợi nhuận kinh doanh than:    | 73.121 triệu đồng.               |
| <b>e. Thu nhập bq:</b>          | <b>12.977.000 đ/người/tháng.</b> |

(Có các biểu tổng hợp các chỉ tiêu kèm theo)

## II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

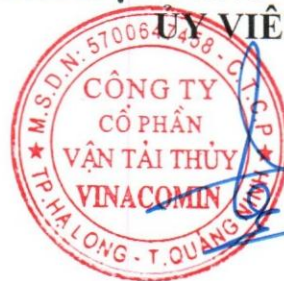
|                               |                               |
|-------------------------------|-------------------------------|
| <b>1. Tổng sản lượng:</b>     | <b>8.000.000 tấn</b>          |
| a. Sản lượng vận chuyển:      | 4.800.000 tấn                 |
| - Vận tải biển:               | 1.520.000 tấn                 |
| - Thuê ngoài vận chuyển than: | 3.280.000 tấn.                |
| b. Sản lượng Than kinh doanh: | 3.200.000 tấn                 |
| - Than cám 6a.1               | 2.350.000 tấn.                |
| - Than cám 5a.1               | 650.000 tấn                   |
| - Than tự doanh               | 200.000 tấn.                  |
| <b>2. Tổng doanh thu:</b>     | <b>5.760.000 triệu đồng</b>   |
| <b>3. Giá trị sản xuất:</b>   | <b>456.000 triệu đồng.</b>    |
| <b>4. Lợi nhuận:</b>          | <b>110.000 triệu đồng.</b>    |
| - Lợi nhuận vận tải:          | 40.000 triệu đồng.            |
| - Lợi nhuận kinh doanh than:  | 70.000 triệu đồng.            |
| <b>5. Thu nhập bình quân:</b> | <b>13.000.000 đ/ng/tháng.</b> |

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty cho phù hợp./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu KH-VT, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**ỦY VIÊN**



**Vũ Văn Tâm**



# KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY – VINACOMIN

(Kèm theo tờ trình số: 203 /TTr - VWTC ngày 16 tháng 3 năm 2020)

| Chỉ tiêu                                 | Đơn vị tính     | Kế hoạch năm 2019 (Đ/c) | Thực hiện năm 2019 | Tỷ lệ so KH năm (%) |
|--|-----------------|-------------------------|--------------------|---------------------|
| 1  | 2               | 3                       | 4                  | 5 = 4/3             |
| <b>A - TỔNG SẢN LƯỢNG</b>                | <b>TẤN</b>      | <b>7.850.000</b>        | <b>7.586.911</b>   | <b>96.65</b>        |
| <b>I- Khối lượng vận tải và thuê tàu</b> | <b>Tấn</b>      | <b>5.300.000</b>        | <b>4.871.197</b>   | <b>91.91</b>        |
| <b>1.1- Vận tải biển</b>                 |                 |                         |                    |                     |
| - Khối lượng h. hoá vận chuyển           | Tấn             | 1.054.000               | 1.052.105          | 99.82               |
| Trong đó : Tàu của Vận tải thủy          |                 | 207.000                 | 180.741            | 87.31               |
| Tàu thuê TKV                             |                 | 847.000                 | 871.365            | 102.88              |
| <b>1.2- Vận tải sông ( sà lan)</b>       |                 |                         | 0                  |                     |
| - Khối lượng hàng hoá vận chuyển         | Tấn             | 1.700                   | 1.611              | 94.75               |
| <b>1.3- Thuê tàu vận tải than</b>        |                 | 0                       | 0                  |                     |
| - Khối lượng h. hoá vận chuyển           | Tấn             | 4.244.300               | 3.817.481          | 89.94               |
| <b>II - Sản lượng Kinh doanh than</b>    | <b>TẤN</b>      | <b>2.550.000</b>        | <b>2.715.714</b>   | <b>106.50</b>       |
| <b>II.1 Than chế biến</b>                |                 | 2.450.000               | 2.548.884          | 104.04              |
| Cám 6a.1                                 |                 | 1.900.000               | 1.977.557          | 104.08              |
| Cám 5a.1                                 |                 | 500.000                 | 571.327            | 114.27              |
| Cám 5a.4                                 |                 | 50.000                  | 0                  | -                   |
| <b>II.2 - Than tự doanh</b>              |                 | 100.000                 | 166.831            | 166.83              |
| <b>B - TỔNG DOANH THU</b>                | <b>TR. ĐỒNG</b> | <b>4.465.000</b>        | <b>4.988.021</b>   | <b>111.71</b>       |
| <b>I- Doanh thu vận tải và thuê tàu</b>  | <b>Tr.đồng</b>  | <b>630.000</b>          | <b>705.999</b>     | <b>112.06</b>       |
| <b>I.1- Doanh thu Vận tải thủy</b>       | "               | 146.800                 | 160.508            | 109.34              |
| Trong đó : - Vận tải biển                | "               | 146.752                 | 150.197            | 102.35              |
| + Tàu của Vận tải thủy                   |                 | 24.515                  | 21.533             | 87.83               |
| + Tàu thuê TKV                           |                 | 122.236                 | 128.664            | 105.26              |
| - Sà lan                                 | "               | 48                      | 48.32              | 100.67              |
| - Doanh thu khác                         |                 | 0                       | 10.263             | #DIV/0!             |
| <b>I.2 - Doanh thu thuê tàu</b>          | "               | 477.587                 | 539.910            | 113.05              |
| <b>I.3 Doanh thu TC + khác</b>           |                 | 5.613                   | 5.581              | 99.43               |

3700  
 CÔNG  
 CỔ  
 PHẦN  
 VINA  
 LONG

|   |                 |                  |                  |               |
|---|-----------------|------------------|------------------|---------------|
| <b>II - Doanh thu Kinh doanh than</b>     |                 | <b>3.835.000</b> | <b>4.282.022</b> | <b>111.66</b> |
| II.1 - Doanh thu KD than                  | Tr. đồng        | 3.934.500        | 4.277.858        | 108.73        |
| II.2 - Doanh thu TC, khác                 | Tr. đồng        | 500.00           | 4.163.808689     | 832.76        |
| <i>* Giá vốn thuê tàu vận tải</i>         | <i>Tr.đồng</i>  | <i>438.387</i>   | <i>495.445</i>   | 113.02        |
| <i>* Giá vốn kinh doanh than</i>          | <i>Tr.đồng</i>  | <i>3.759.500</i> | <i>4.089.916</i> | 108.79        |
| <b>C - GIÁ TRỊ SẢN XUẤT</b>               | <b>TR. ĐỒNG</b> | <b>361.000</b>   | <b>382.652</b>   | <b>106.00</b> |
| <b>I - Giá trị SX vận tải và thuê tàu</b> | <b>Tr.đồng</b>  | <b>186.000</b>   | <b>194.710</b>   | 104.68        |
| - Vận tải biển                            | "               | 146.752          | 150.197          | 102.35        |
| + Tàu của Vận tải thủy                    | "               | 24.515           | 21.533           | 87.83         |
| + Tàu thuê TKV                            | "               | 122.236          | 128.664          | 105.26        |
| - Sà lan                                  | "               | 48               | 48               | 100.67        |
| - Tàu vận tải đi thuê                     | "               | 39.200           | 44.465           | 113.43        |
| <b>II - Giá trị SX kinh doanh than</b>    | <b>Tr.đồng</b>  | <b>175.000</b>   | <b>187.942</b>   | 107.40        |
| <b>D. TỔNG CHI PHÍ TRONG KỲ</b>           | <b>Tr.đồng</b>  | <b>257.000</b>   | <b>283.615</b>   | 110.36        |
| 5.1 Chi Phí trung gian                    | "               | 210.525          | 244.262          | 116.03        |
| 5.2 Giá trị gia tăng                      | "               | 46.474           | 39.352           | 84.68         |
| - Khấu hao tài sản                        | "               | 9.117            | 9.117            | 100.00        |
| - Tiền lương                              | Tr. đồng        | 33.948           | 37.530           | 110.55        |
| - Bảo hiểm xã hội - y tế - TN - CĐ        | <i>Tr. đồng</i> | 3.410            | 3.484            | 102.19        |
| 5.3 Chi phí hoạt động khác                | "               |                  | 0                |               |
| <b>E. LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>            | <b>TR. ĐỒNG</b> | <b>104.000</b>   | <b>119.045</b>   | 114.47        |
| I - Lợi nhuận vận tải và thuê tàu         | Tr.đồng         | 46.000           | 45.924           | 99.83         |
| II - Lợi nhuận kinh doanh than            | "               | 58.000           | 73.121           | 126.07        |
| <b>F. CÁC CHỈ TIÊU VỀ LĐTĐ</b>            |                 |                  |                  |               |
| - Lao động bình quân                      | Người           | 246              | 241              | 97.97         |
| - Tiền lương bquân (1000 đ/ng-th)         | 1.000đ/ng-th    | 11.500           | 12.977           | 112.85        |

745  
 CÔNG TY  
 PHÂN  
 ÁI TH  
 COMI  
 T QU



**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY - VINACOMIN**  
(Kèm theo tờ trình số: 203/T.Tr - VWTC ngày 16 tháng 3 năm 2020)

| Chỉ tiêu                                      | Đơn vị<br>tính      | Thực hiện<br>2019 | Kế hoạch<br>2020 | Tỷ lệ<br>(%)  |
|---|---------------------|-------------------|------------------|---------------|
| 1   | 2                   | 3                 | 4                | 5=4/3         |
| <b>A. Sản lượng</b>                           | Tấn                 | <b>7.586.911</b>  | <b>8.000.000</b> | <b>105.44</b> |
| <b>1. Sản lượng hàng hóa vận chuyển</b>       | Tấn                 | <b>4.871.197</b>  | <b>4.800.000</b> | <b>98.54</b>  |
| <b>a. Vận tải biển</b>                        |                     |                   |                  |               |
| Sản lượng hàng hóa vận chuyển                 | Tấn                 | 1.052.105         | 1.520.000        | 144.47        |
| <i>Trong đó : + Tàu biển của Vận tải thủy</i> | <i>Tấn</i>          | <i>180.741</i>    | <i>630.000</i>   | <i>348.57</i> |
| <i>+ Tàu biển thuê TKV</i>                    | <i>Tấn</i>          | <i>871.365</i>    | <i>890.000</i>   | <i>102.14</i> |
| <b>b. Thuê tàu vận chuyển than</b>            |                     |                   |                  |               |
| Sản lượng hàng hóa vận chuyển                 | Tấn                 | 3.817.481         | 3.280.000        | 85.92         |
| <b>2. Sản lượng than kinh doanh</b>           | Tấn                 | <b>2.715.714</b>  | <b>3.200.000</b> | <b>117.83</b> |
| <i>Trong đó : + Than cám 6a.1</i>             | <i>Tấn</i>          | <i>1.977.557</i>  | <i>2.350.000</i> | <i>118.83</i> |
| <i>+ Than cám 5a.1</i>                        | <i>"</i>            | <i>571.327</i>    | <i>650.000</i>   | <i>113.77</i> |
| <i>+ Than tự doanh</i>                        | <i>"</i>            | <i>166.831</i>    | <i>200.000</i>   | <i>119.88</i> |
| <b>B. Doanh thu tổng số</b>                   | <b>Tr.<br/>đồng</b> | <b>4.988.021</b>  | <b>5.760.000</b> | <b>115.48</b> |
| <b>1. Doanh thu vận tải và thuê tàu</b>       | <b>Tr.<br/>đồng</b> | <b>705.999</b>    | <b>710.000</b>   | <b>100.57</b> |
| <b>a- Doanh thu vận tải thủy</b>              | <b>Tr.<br/>đồng</b> | <b>160.508</b>    | <b>232.020</b>   | <b>144.55</b> |
| - Vận tải biển                                | Tr.đồng             | 150.197           | 223.520          | 148.82        |
| <i>Trong đó : + Tàu biển của Vận tải thủy</i> | <i>Tr.đồng</i>      | <i>21.533</i>     | <i>94.880</i>    | <i>440.63</i> |
| <i>+ Tàu biển thuê TKV</i>                    | <i>Tr.đồng</i>      | <i>128.664</i>    | <i>128.640</i>   | <i>99.98</i>  |
| - Doanh thu khác                              | Tr.đồng             | 10.263            | 8.500            | 82.82         |
| <b>b- Doanh thu thuê tàu vận chuyển than</b>  | <b>Tr.đồng</b>      | <b>539.910</b>    | <b>477.980</b>   | <b>88.53</b>  |
| * Giá vốn thuê tàu vận chuyển than            | Tr.đồng             | 495.445           | 445.500          | 89.92         |
| <b>c- Doanh thu HĐTC - Khác</b>               | <b>Tr.đồng</b>      | <b>5.581</b>      |                  | -             |
| <b>2. Doanh thu kinh doanh than</b>           | <b>Tr.đồng</b>      | <b>4.282.022</b>  | <b>5.050.000</b> | <b>117.93</b> |

|   |                 |                  |                  |               |
|---|-----------------|------------------|------------------|---------------|
| a. Doanh thu kinh doanh than                  | Tr.đồng         | 4.277.858        | 5.050.000        | 118.05        |
| <i>Trong đó : + Than cám 6a.1</i>             | <i>Tr. đồng</i> | <i>2.902.658</i> | <i>3.449.330</i> | <i>118.83</i> |
| <i>+ Than cám 5a.1</i>                        | <i>"</i>        | <i>1.033.987</i> | <i>1.215.370</i> | <i>117.54</i> |
| <i>+ Than tự doanh</i>                        | <i>"</i>        | <i>341.213</i>   | <i>385.300</i>   | <i>112.92</i> |
| b. Doanh thu TC, khác kinh doanh than         | Tr.đồng         | 4.164            | -                | -             |
| * Giá vốn kinh doanh than                     | Tr.đồng         | 4.089.916        | 4.850.000        | 118.58        |
| <b>C. Giá trị sản xuất</b>                    | <b>Tr.đồng</b>  | <b>382.652</b>   | <b>456.000</b>   | <b>119.17</b> |
| <b>1. Vận tải và thuê tàu</b>                 | <b>Tr.đồng</b>  | <b>194.710</b>   | <b>256.000</b>   | 131.48        |
| Vận tải biển                                  | Tr.đồng         | 150.197          | 223.520          | 148.82        |
| <i>Trong đó : + Tàu biển của Vận tải thủy</i> | <i>Tr.đồng</i>  | <i>21.533</i>    | <i>94.880</i>    | <i>440.63</i> |
| <i>+ Tàu biển thuê TKV</i>                    | <i>Tr.đồng</i>  | <i>128.664</i>   | <i>128.640</i>   | <i>99.98</i>  |
| Thuê tàu vận chuyển than                      | Tr.đồng         | 44.465           | 32.480           | 73.05         |
| <b>2. Kinh doanh than</b>                     | <b>Tr.đồng</b>  | <b>187.942</b>   | <b>200.000</b>   | 106.42        |
| <b>D. Giá trị gia tăng ( GDP )</b>            | <b>Tr.đồng</b>  | <b>96.055</b>    | <b>109.705</b>   | <b>114.21</b> |
| - Khấu hao TSCĐ                               | Tr.đồng         | 9.117            | 22.205           | 243.57        |
| - Tiền lương                                  | "               | 37.530           | 43.200           | 115.11        |
| - Bảo hiểm XH, Y tế, KPCĐ                     | "               | 3.484            | 4.300            | 123.41        |
| - Thuế (trong giá thành)                      | "               |                  | -                |               |
| <b>- Lợi nhuận trước thuế</b>                 | <b>Tr.đồng</b>  | <b>119.045</b>   | <b>110.000</b>   | <b>92.40</b>  |
| <i>Trong đó : + Vận tải và thuê tàu</i>       | <i>"</i>        | <i>45.924</i>    | <i>40.000</i>    | <i>87.10</i>  |
| <i>+ Kinh doanh than</i>                      | <i>"</i>        | <i>73.121</i>    | <i>70.000</i>    | <i>95.73</i>  |
| <b>E. Lao động, thu nhập, tiền lương</b>      |                 |                  |                  |               |
| Lao động trong danh sách                      | Người           | 265              | 280              | 105.66        |
| Lao động bình quân                            | "               | 241              | 275              | 114.11        |
| + Viên chức quản lý                           | "               | 3                | 3                | 100.00        |
| + Người lao động                              | "               | 238              | 272              | 114.29        |
| Tiền lương bình quân toàn công ty             | 1000đ/ng-thg    | 12.977           | 13.091           | 100.88        |



A

|   |   |
|---|---|
| <b>CÔNG TY CP VẬN TẢI THỦY-<br/>VINACOMIN</b> | <b>CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br/>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</b> |
| Số: <i>192</i> /TTr - VWTC                    | <i>Quảng Ninh, ngày 16 tháng 3 năm 2020</i>                               |

## TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo Tài chính năm 2019 đã được kiểm toán.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Công ty được quy định trong Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN.

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán BDO với những nội dung chính như sau:

### • TÀI SẢN:

|  |                        |
|--|------------------------|
| <b>1. Tài sản ngắn hạn:</b>                  | <b>625.842.716.781</b> |
| - Tiền và các khoản tương đương Tiền         | 140.782.788.250        |
| - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn        |                        |
| - Các khoản phải thu                         | 41.053.593.294         |
| - Hàng tồn kho                               | 417.535.497.792        |
| - Tài sản ngắn hạn khác                      | 26.470.837.445         |
| <b>2. Tài sản dài hạn:</b>                   | <b>27.508.982.942</b>  |
| - Các khoản phải thu dài hạn                 | 17.000.000             |
| - Tài sản cố định:                           | 20.418.374.117         |
| + Tài sản cố định hữu hình                   | 20.418.374.117         |
| + Tài sản cố định thuê tài chính             |                        |
| + Tài sản cố định vô hình                    |                        |
| - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang            | 471.736.450            |
| - Bất động sản đầu tư                        |                        |
| - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn         |                        |
| + Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh    |                        |
| + Đầu tư dài hạn khác                        |                        |
| - Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn |                        |
| - Tài sản dài hạn khác                       | 6.601.872.375          |



*ke*

|   |                        |
|---|------------------------|
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN:</b>                             | <b>653.351.699.723</b> |
| <b>B. NGUỒN VỐN</b>                                   |                        |
| <b>1, Nợ phải trả:</b>                                | <b>547.903.935.080</b> |
| - Nợ ngắn hạn   | 547.903.935.080        |
| - Nợ dài hạn  |                        |
| <b>2, Vốn chủ sở hữu:</b>                             | <b>105.447.764.643</b> |
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu                           | 100.000.000.000        |
| - Vốn khác của chủ sở hữu                             | 734.747.581            |
| - Quỹ đầu tư phát triển                               | 3.662.581.454          |
| - Quỹ Dự phòng tài chính                              |                        |
| - Lợi nhuận chưa phân phối                            | 1.050.435.608          |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN:</b>                           | <b>653.351.699.723</b> |
| <b>C. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2019</b>                 |                        |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ             | 4.978.280.500.868      |
| 2. Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và dịch vụ         | 4.978.280.500.868      |
| 3. Giá vốn hàng bán                                   | 4.729.605.194.027      |
| 4. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh              | 248.675.306.841        |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính                      | 874.796.435            |
| 6. Chi phí hoạt động tài chính                        | 19.416.416.926         |
| 7. Chi phí bán hàng                                   | 96.905.005.337         |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp                       | 19.815.648.830         |
| 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh            | 113.413.032.183        |
| 10. Thu nhập khác                                     | 8.856.140.682          |
| 11. Chi phí khác                                      | 3.223.894.493          |
| 12. Lợi nhuận khác                                    | 5.632.246.189          |
| 13. Tổng lợi nhuận trước thuế                         | 119.045.278.372        |
| 14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN                    | 99.435.192.825         |
| <b>D. CÒN PHẢI THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH</b>   |                        |
| <b>1. Thuế</b>  | <b>14.632.198.719</b>  |
| Thuế GTGT bán Hàng nội địa                            | 0                      |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                            | 14.610.085.547         |
| Các khoản Thuế khác                                   | 22.113.172             |
| <b>2. Các khoản phải nộp khác</b>                     | <b>22.604</b>          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                      | <b>14.632.221.323</b>  |
| <b>E. LƯƠNG, THƯỞNG VÀ PHỤ CẤP HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC</b> | <b>1.128.360.000</b>   |

NG T  
 PHÁP  
 TÀI TH  
 COM  
 T.QU

*llg*



Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông của Cty;
- Các thành viên HĐQT, BKS Cty;
- Lưu thư ký HĐQT, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Vũ Văn Tâm**



**CÔNG TY CP VẬN TẢI THỦY -  
VINACOMIN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *193* /TTr - VWTC

Hạ Long, ngày *16* tháng *8* năm 2020

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2019**

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Công ty được quy định trong Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN.

Thực hiện Điều lệ Công ty về việc phân phối kết quả kinh doanh hàng năm. Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 của Công ty cổ phần vận tải thủy – VINACOMIN như sau :

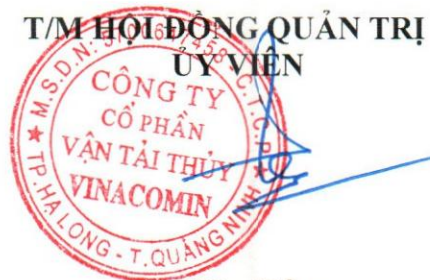
- Tổng doanh thu : 4.987.137 triệu đồng
- Tổng chi phí: 4.868.092 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 119.045 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 99.435 triệu đồng
- Lỗ lũy kế từ các năm trước đến 31/12/2018 -98.384 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi đã bù lỗ 1.050 triệu đồng
- Tổng vốn góp đến ngày 31/12/2019 : 100.000 triệu đồng

Do lợi nhuận năm 2019 sau khi bù lỗ lũy kế của các năm trước còn ít ( 1. 050 triệu đồng ), vì vậy Công ty không phân phối lợi nhuận năm 2019.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét phê chuẩn / *wa*

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- HĐQT, Trưởng BKS Cty;
- Lưu KTTC, Văn thư.



**Vũ Văn Tâm**



Số: 195 /TTr - VWTC

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

**TỜ TRÌNH**  
**VỀ VIỆC THUÊ ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020**

Kính gửi : Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2020  
Công ty cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN

Thực hiện Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Điều lệ Công ty Cổ phần vận tải thủy - VINACOMIN đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua ngày 18/01/2019 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Công ty. Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông Đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 như sau:

Tên đơn vị: Công ty TNHH kiểm toán BDO Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 20, Tòa nhà Icon4, 243 Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội.

Năng lực: Là đơn vị có đủ điều kiện và năng lực thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính đối với các Công ty cổ phần đại chúng đã thực hiện đăng ký giao dịch trên sàn chứng khoán và thực tế đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty qua nhiều năm.

Ban kiểm soát kính trình để Đại Hội đồng cổ đông Công ty xem xét phê duyệt./.

**Nơi nhận:**

- Các CĐ Cty;
- Các TV HĐQT, Trưởng ban kiểm soát Cty;
- Lưu Ban KS, Văn thư.

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



**Phạm Thị Thu Hà**

Số: 194 /BC-VWTC

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 3 năm 2020

**BÁO CÁO**  
**Chế độ thù lao đối với thành viên HĐQT, BKS Công ty**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vận tải thủy - VINACOMIN

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty thường niên năm 2020, nội dung như sau:

**1. Thực hiện chế độ thù lao đối với thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2019:**

Căn cứ quy định của Nhà nước Điều lệ công ty, trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty được kiểm toán phê duyệt. Thù lao thực trả đối với thành viên HĐQT, BKS công ty năm 2019 như sau:

| Chức danh                | Kế hoạch           | Thực hiện          | Ghi chú                                   |
|--------------------------|--------------------|--------------------|---|
| 1. Chủ tịch HĐQT công ty | 58.800.000         | 58.800.000         |   |
| 2. Ủy viên HĐQT công ty  | 104.160.000        | 182.280.000        | Từ tháng 4/2019, tăng 02 ủy viên HĐQT     |
| 3. Trưởng ban kiểm soát  | 52.080.000         | -                  | Khoản trực tiếp vào tiền lương hàng tháng |
| 4. Ủy viên BKS công ty   | 43.200.000         | 86.400.000         | Từ tháng 4/2019, tăng 01 ủy viên BKS      |
| <b>Cộng</b>              | <b>258.240.000</b> | <b>327.480.000</b> |   |

**2. Kế hoạch chế độ thù lao đối với thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2020:**

Căn cứ Điều lệ Công ty, Nghị định số: 51/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013, Thông tư số: 19/2013/BLĐTBXH; theo đó Thù lao hàng tháng được thanh toán trong năm 2020 như sau:

| Chức danh                       | Số người | Mức tiền lương áp dụng | Tiền thù lao được hưởng (20%) (đ/ng.tháng) | Tổng tiền thù lao tháng (đồng) |
|---------------------------------|----------|------------------------|--|--------------------------------|
| 1. Chủ tịch HĐQT Công ty        | 1        | 24.500.000             | 4.900.000                                  | 4.900.000                      |
| 2. Ủy viên HĐQT Công ty         | 4        | 21.700.000             | 4.340.000                                  | 17.360.000                     |
| 3. Trưởng ban kiểm soát công ty | 1        | 21.700.000             | -  | -                              |
| 4. Kiểm soát viên công ty       | 2        | 18.000.000             | 3.600.000                                  | 7.200.000                      |
| <b>Tháng</b>                    | <b>8</b> |                        |  | <b>29.460.000</b>              |
| <b>Cộng cả năm</b>              |          |                        |  | <b>353.520.000</b>             |



Đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua làm cơ sở HĐQT Công ty phê duyệt./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS Công ty;
- Lưu: Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Vũ Văn Tâm**

